

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2022/DS-PT
Ngày: 27-4-2022
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất;
bồi thường thiệt hại về tài sản
trong lĩnh vực xây dựng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Ngọc Phi

Các Thẩm phán: Ông Trần Minh Hải;
Ông Nguyễn Hoàng Thám.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Bé Thơ – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:
Ông Đỗ Phước Thành – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 98/2021/TLPT-DS, ngày 04 tháng 6 năm 2021 về tranh chấp quyền sử dụng đất; bồi thường thiệt hại về tài sản trong lĩnh vực xây dựng.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2021/DS-ST ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 60/2022/QĐ-PT ngày 04 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị Thanh H, sinh năm 1962; địa chỉ cư trú: Số 448, đường H, tổ 3, khóm 3, phường B, thành phố Đ, tỉnh An Giang (có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Ông Nguyễn Hoàng V, sinh năm 1967 (vắng mặt);
2. Bà Lê Thị K, sinh năm 1965 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ cư trú: Số 446, đường H, tổ 3, khóm 3, phường B, thành phố Đ, tỉnh An Giang.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Lôi Văn Đ là Luật sư của Văn phòng Luật sư Đ thuộc đoàn Luật sư tỉnh An Giang (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Phan Thị Thanh H là nguyên đơn trong vụ án; ông Nguyễn Hoàng V, bà Lê Thị K là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phan Thị Thanh H (sau đây gọi tắt là bà H) trình bày:

Bà có căn nhà gắn với quyền sử dụng đất diện tích 101,7m² tại: Số 448, đường H, tổ 3, khóm 3, phường B, thành phố Đ, tỉnh An Giang được Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) thị xã Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCN QSD đất) số: 01129QSDĐ/Bb ngày 05/12/2003 và giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở (sau đây viết tắt là GCN QSH nhà) số: 09 ngày 08/7/2004.

Ông Nguyễn Hoàng V và bà Lê Thị K (sau đây gọi tắt là ông V, bà K) có đất liền ranh với đất của bà. Ông V, bà K xây dựng nhà lấn qua đất của bà diện tích ngang 0,15m x dài 20m; quá trình xây dựng nhà gây thiệt hại nhà của bà như sau: Lún, nứt tường và sàn nhà, hư hỏng mái tole.

Theo đơn khởi kiện, bà yêu cầu ông V, bà K bồi thường thiệt hại về căn nhà của bà là 90.000.000 đồng; yêu cầu ông V, bà K tháo dỡ móng, đà, tường để trả cho bà phần đất diện tích ngang 0,15m x dài 20m.

Tại phiên hòa giải ngày 02/12/2020, bà yêu cầu ông V, bà K tháo dỡ đà kiềng đã xây dựng lấn qua phần đất thuộc GCN QSD đất của bà và trả cho bà diện tích 0,7m² tại các điểm 17, 19, 16 theo Bản trích đo hiện trạng do Văn phòng Đăng ký đất đai - Chi nhánh Đ (sau đây viết tắt là VPĐKĐĐ Đ) lập ngày 01/7/2019; yêu cầu ông V, bà K bồi thường thiệt hại về hư hỏng nhà của bà là 38.493.000 đồng theo Bản kết luận của Hội đồng định giá lập ngày 18/5/2020.

Theo bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông V, bà K và người đại diện hợp pháp của ông V, bà K trình bày:

Năm 2018, ông V, bà K khởi công xây dựng nhà; quá trình xây dựng nhà, ông V, bà K vô ý lấn qua phần đất thuộc quyền sử dụng của bà H. Qua đo đạc thực tế, ông V, bà K thống nhất phần đất lấn qua có diện tích 0,7m². Tuy nhiên, việc tháo dỡ phần đà kiềng dưới sàn nhà thực hiện khó khăn nên ông V, bà K đồng ý trả giá trị quyền sử dụng đất cho bà H.

Bà H không có chứng cứ chứng minh nguyên nhân gây ra thiệt hại nhà của bà H là do ông V, bà K gây ra; ông V, bà K chỉ làm ảnh hưởng một phần kiến trúc nhà của bà H chứ không hư hỏng như bà H yêu cầu; thiệt hại nhà của bà H do ông V, bà K tính theo bảng kê ngày 23/3/2020 do ông V cung cấp cho Tòa án là 14.318.000 đồng nhưng vì tình làng nghĩa xóm nên ông V, bà K đồng ý bồi thường cho bà H số tiền như bà H yêu cầu tại UBND phường B là 14.695.000 đồng (ông V, bà K tính tròn là 15.000.000 đồng).

Nay ông V, bà K đồng ý trả cho bà H giá trị quyền sử dụng 0,7m² đất là 5.000.000 đồng; bồi thường thiệt hại về căn nhà cho bà H là 15.000.000 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2021/DS-ST ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông V và bà K bồi thường thiệt hại về tài sản là nền nhà, vách tường, mái tole với số tiền 38.493.000 đồng và hoàn trả giá trị quyền sử dụng đất với số tiền là 6.000.000 đồng cho bà H.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà H về việc yêu cầu ông V và bà K bồi thường thiệt hại tài sản với số tiền 51.507.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm trả tiền, chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 08/4/2021, ông V và bà K kháng cáo: Không đồng ý bản án sơ thẩm buộc bồi thường thiệt hại về căn nhà là 38.493.000 đồng; yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, ông V và bà K đồng ý hỗ trợ phần thiệt hại về căn nhà của bà H là 15.000.000 đồng.

Ngày 09/4/2021, bà H kháng cáo: Không đồng ý bị đơn hoàn trả giá trị quyền sử dụng đất; yêu cầu bị đơn trả diện tích 0,7m² đất.

Ngày 31/3/2022, bà H có văn bản rút yêu cầu kháng cáo; bà H đồng ý bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa:

- Bà H trình bày: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; đồng ý bản án sơ thẩm; không đồng ý yêu cầu kháng cáo của ông V, bà K.

- Ông V, bà K: Vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Luật sư Lôi Văn Đ trình bày ý kiến tranh luận bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông V, bà K: Bà H trình bày căn nhà của bà H bị hư hỏng là do việc xây dựng nhà của ông V, bà K gây ra nhưng không có cơ quan có thẩm quyền kết luận nguyên nhân gây thiệt hại nhà của bà H là do ông V, bà K gây ra, vì trong bồi thường thiệt hại có nguyên nhân, mới có hậu quả nhưng phải xác định hậu quả cụ thể và chi phí khắc phục hậu quả. Ông V, bà K thừa nhận quá trình xây nhà có gây ảnh hưởng một phần nhà của bà H nên đồng ý bồi thường thiệt hại là 15.000.000 đồng; ông V và bà K không thừa nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H. Hơn nữa, khi hòa giải tại UBND phường B thì bà H chỉ yêu cầu bồi thường thiệt hại về căn nhà là 14.695.000 đồng nhưng khi khởi kiện đến Tòa án thì yêu cầu bồi thường 90.000.000 đồng, khi hòa giải thì yêu cầu 38.493.000 đồng như Biên bản của Hội đồng định giá tài sản nhưng biên bản định giá là định giá vật liệu xây dựng, chứ không phải là kết luận nguyên nhân gây ra thiệt hại nên cũng không có cơ sở buộc ông V, bà K bồi thường thiệt hại cho bà H là 38.493.000 đồng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông V, bà K: Sửa bản án dân sự sơ thẩm; ông V, bà K bồi thường thiệt hại cho bà H là 15.000.000 đồng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến:

- Về tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Đình chỉ kháng cáo của bà H; không chấp nhận kháng cáo của ông V, bà K; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2021/DS-ST ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang; đương sự phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông V và bà K có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông V, bà K theo quy định tại khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bà H kháng cáo trong thời hạn pháp luật quy định và có nộp tạm ứng án phí phúc thẩm. Ngày 31/3/2022, bà H gửi cho Tòa án văn bản rút yêu cầu kháng cáo. Căn cứ vào khoản 2 Điều 289 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà H.

[3] Ông V và bà K kháng cáo trong thời hạn pháp luật quy định và có nộp tạm ứng án phí phúc thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét vụ án theo trình tự phúc thẩm.

[4] Về nội dung kháng cáo của bị đơn:

[4.1] Bà H là nguyên đơn khởi kiện bị đơn là ông V, bà K về yêu cầu trách nhiệm bồi thường thiệt hại đối với nhà của bà H do quá trình xây dựng nhà của ông V, bà K gây ra nên bà H phải có nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với thiệt hại trong lĩnh vực xây dựng thì cần thiết phải có kết luận của tổ chức có chức năng giám định tư pháp trong lĩnh vực xây dựng được Bộ Xây dựng chứng nhận về nguyên nhân gây ra thiệt hại, mức độ thiệt hại, chi phí hợp lý để khắc phục thiệt hại nên cần thiết phải ra Quyết định trưng cầu giám định và bà H phải có nghĩa vụ nộp tạm ứng chi phí giám định theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 97; khoản 2 Điều 160 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nếu bà H không nộp tạm ứng chi phí giám định thì giải quyết vụ án theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự; hoặc bà H không đồng ý trưng cầu giám định của tổ chức có chức năng giám định tư pháp trong lĩnh vực xây dựng được Bộ Xây dựng chứng nhận thì Tòa án căn cứ vào khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự giải quyết vụ án theo tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án đó là bị đơn thừa nhận một phần nghĩa vụ là đồng ý bồi

thường cho bà H 15.000.000 đồng thì giải quyết bồi thường thiệt hại theo sự thừa nhận một phần nghĩa vụ của bị đơn (ý kiến trình bày của ông Phạm Hòa là người đại diện của ông V, bà K đồng ý bồi thường cho bà H số tiền 14.695.000 đồng như bà H kê khai và yêu cầu theo Biên bản hòa giải do UBND phường B lập ngày 29/6/2018; sau này ông V, bà K tính tròn là 15.000.000 đồng).

[4.2] Ông V, bà K chỉ thừa nhận một phần thiệt hại, chứ không thừa nhận toàn bộ thiệt hại như bà H yêu cầu.

Bản kết luận định giá ngày 18/5/2020 của Hội đồng định giá (do Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc thành lập) là định giá về vật liệu xây dựng và công thợ sửa chữa những phần hư hỏng của căn nhà theo yêu cầu của bà H. Do đó, Bản kết luận định giá ngày 18/5/2020 không phải là kết luận của tổ chức có chức năng giám định tư pháp trong lĩnh vực xây dựng (được Bộ Xây dựng chứng nhận) về nguyên nhân gây thiệt hại, mức độ thiệt hại và chi phí hợp lý để khắc phục thiệt hại, tức không phải là chứng cứ xác định mối quan hệ giữa hành vi gây ra thiệt hại và hậu quả của thiệt hại đối với nhà của bà H.

Tuy nhiên, cấp sơ thẩm căn cứ vào Bản kết luận định giá ngày 18/5/2020 và lời khai của ông V, bà K thừa nhận có gây thiệt hại một phần nhà của bà H để đánh giá chứng cứ là bà H không cần chứng minh về toàn bộ thiệt hại và không cần chứng minh về chi phí hợp lý để khắc phục thiệt hại là không phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 584; khoản 3 Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Do đó, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang là không có cơ sở; kháng cáo của ông V, bà K và đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông V, bà K là có cơ sở.

Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm về bồi thường thiệt hại: Buộc ông V và bà K có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bà H số tiền 15.000.000 đồng.

[5] Những thiếu sót của bản án sơ thẩm:

Bà H khởi kiện yêu cầu ông V và bà K trả diện tích đất ngang 0,15m x dài 20m = 03m². Quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm, bà H yêu cầu ông V và bà K trả diện tích 0,7m² đất, tức là bà H rút một phần yêu cầu khởi kiện về tranh chấp quyền sử dụng đất diện tích 2,3m² nhưng cấp sơ thẩm không đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà H về tranh chấp quyền sử dụng đất diện tích 2,3m² là thiếu sót nên đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang nhận định cấp sơ thẩm không đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tranh chấp quyền sử dụng đất diện tích 2,3m² là có căn cứ.

Ông V, bà K xây dựng nhà lấn qua đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà H là 0,7m², cấp sơ thẩm xét thấy ông V, bà K đã xây dựng nhà kiên cố, việc tháo dỡ sẽ gây thiệt hại cả căn nhà nên buộc ông V và bà K có nghĩa vụ trả giá trị quyền sử dụng đất 0,7m² cho bà H là hợp tình, hợp lý. Như vậy, ông V và bà K được quyền sử dụng 0,7m² đất (thuộc GCN QSD đất do bà H đứng tên) nhưng phần quyết định không tuyên xử cho ông V và bà K được quyền sử dụng diện

tích 0,7m² đất và không tuyên xử cho đương sự có quyền, nghĩa vụ đăng ký biên động quyền sử dụng đất là thiếu sót.

Tuy các đương sự không kháng cáo phân tranh chấp quyền sử dụng đất nhưng Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm cần phải khắc phục những thiếu sót của cấp sơ thẩm (như nêu phần trên) để giải quyết vụ án được triệt để và đúng pháp luật.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm:

[6.1] Về khởi kiện: Bà H yêu cầu ông V và bà K bồi thường thiệt hại về tài sản là 38.493.000 đồng nhưng Hội đồng xét xử không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà H là 23.493.000 đồng; về kháng cáo: Bà H rút kháng cáo trước khi mở phiên tòa phúc thẩm.

Lẽ ra, bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu không được chấp nhận và phải chịu 50% án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, tại thời điểm xét xử phúc thẩm, bà H đủ 60 tuổi là thuộc trường hợp người cao tuổi nên Hội đồng xét xử miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm cho bà H theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[6.2] Căn cứ vào khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 26, khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, ông V và bà K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 750.000 đồng; ông V và bà K không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 148; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 165; khoản 2, khoản 5 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 4 Điều 26, khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Phan Thị Thanh H.

2. Chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Hoàng V và bà Lê Thị K.

3. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2021/DS-ST ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang:

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phan Thị Thanh H về tranh chấp quyền sử dụng đất diện tích 2,3m².

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phan Thị Thanh H về tranh chấp bồi thường thiệt hại tài sản là 51.507.000 đồng (Năm mươi một triệu năm trăm lẻ bảy nghìn đồng).

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phan Thị Thanh H về tranh chấp bồi thường thiệt hại tài sản là 23.493.000 đồng (Hai mươi ba triệu bốn trăm chín mươi ba nghìn đồng).

- Buộc ông Nguyễn Hoàng V và bà Lê Thị K có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản cho bà Phan Thị Thanh H số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

- Buộc ông Nguyễn Hoàng V và bà Lê Thị K có trách nhiệm trả giá trị quyền sử dụng diện tích 0,7m² đất cho bà Phan Thị Thanh H với số tiền 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng).

- Ông Nguyễn Hoàng V và bà Lê Thị K có quyền sử dụng diện tích 0,7m² đất tại các điểm: 17, 19, 16 theo Bản trích đo hiện trạng do Văn Phòng Đăng ký đất đai - Chi nhánh Châu Đốc lập ngày 01/7/2019.

- Ông Nguyễn Hoàng V và bà Lê Thị K có quyền và nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền kê khai đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai đối với diện tích 0,7m² đất tại các điểm: 17, 19, 16 theo Bản trích đo hiện trạng do Văn phòng Đăng ký đất đai - Chi nhánh Đ lập ngày 01/7/2019 để nhập vào thửa đất thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 01174QSDĐ/Bb ngày 14/5/2004 do Ủy ban nhân dân thị xã Đ, tỉnh An Giang cấp cho ông Nguyễn Hoàng V và bà Lê Thị K.

- Bà Phan Thị Thanh H có quyền và nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền kê khai đăng ký biến động quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai về việc giảm diện tích 0,7m² đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 01129QSDĐ/Bb ngày 05/4/2003 do Ủy ban nhân dân thị xã Đ, tỉnh An Giang cấp cho bà Phan Thị Thanh H.

(Bản án có kèm Bản trích đo hiện trạng do Văn phòng Đăng ký đất đai - Chi nhánh Đ lập ngày 01/7/2019).

- Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Hoàng V và bà Lê Thị K có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Phan Thị Thanh H chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản là 5.336.800 đồng (Năm triệu ba trăm ba mươi sáu nghìn tám trăm đồng).

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Phan Thị Thanh H được miễn án phí dân sự sơ thẩm do thuộc trường hợp người cao tuổi. Bà Phan Thị Thanh H được nhận lại tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Biên lai thu số: 0007779 ngày 11/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc và 2.250.000 đồng (Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) đã nộp tại Biên lai

thu số: 0007780 ngày 11/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

+ Ông Nguyễn Hoàng V và bà Lê Thị K cùng chịu án phí dân sự sơ thẩm là 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

+ Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Bà Phan Thị Thanh H được miễn án phí dân sự phúc thẩm do thuộc trường hợp người cao tuổi. Bà Phan Thị Thanh H được nhận lại tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Biên lai thu số: 0004435 ngày 09/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Ông Nguyễn Hoàng V không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và được nhận lại tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Biên lai thu số: 0004428 ngày 08/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Bà Lê Thị K không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và được nhận lại tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Biên lai thu số: 0004429 ngày 08/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Phòng KTNV và THA tỉnh;
- TAND TP Châu Đốc;
- Chi cục THADS TP Châu Đốc;
- Tòa Dân sự;
- Dương sự (để thi hành);
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Ngô Ngọc Phi

